

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2015</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú và đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điểm quặng antimony (bản quyền khai thác mỏ antimony), bản quyền bằng sáng chế - Đề tài Chi-Kẽm, quyền khai thác khoáng sản.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m<sup>2</sup> đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimony với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Chi phí để có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS (“Giấy phép”) ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Quyền khai thác khoáng sản bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc “Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang”, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được Giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 11,5 năm, trong khi chi phí hoàn nguyên môi trường được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ khi ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường.

Các tài sản cố định vô hình còn lại được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại Hà Nội và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Hà Nội đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Chi phí hoàn nguyên môi trường**

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho chi phí hoàn nguyên môi trường nêu trên.

**Vốn - Quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu. Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng Cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư Công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 trở đi Công ty sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên nên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của Công văn số 555/CT-KTT.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimony áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 là 18%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	741.388.706	1.000.660.109
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.961.146.086	31.703.994.689
Các khoản tương đương tiền (i)	70.007.869.722	90.895.540.519
	<u>99.710.404.514</u>	<u>123.600.195.317</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>12.756.900.240</b>	-	-	-
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (i)	12.756.900.240	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>69.969.880.000</b>	-	<b>65.176.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (ii)	69.469.880.000	-	64.676.000.000	-
Quỹ đầu tư, phát triển đất và bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang	500.000.000	-	500.000.000	-

(i) Trong tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 408.744 cổ phần của Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương với tổng số tiền là 14.596.248.240 VND để trở thành cổ đông lớn nhất tại công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty sở hữu 35,7% vốn điều lệ tại Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

Trong năm, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hải Dương, Công ty được hưởng cổ tức từ Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương với số tiền là 1.839.348.000 VND. Số tiền này được giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư.

(ii) Theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty đã mua thêm 479.388 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với tổng số tiền là 4.793.880.000 VND theo thông báo tăng vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty sở hữu 9,58% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Ban Giám đốc đánh giá khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng không bị suy giảm giá trị nên không trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư này.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản và Thương mại VQB	4.000.000.000	6.277.762.272
Phải thu các khách hàng khác	261.184.691	253.886.988
	<u>4.261.184.691</u>	<u>6.531.649.260</u>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>671.231.152</b>	<b>2.366.448.117</b>
- Ký quỹ đặt mua cổ phiếu	-	1.455.128.640
- Tạm ứng cho nhân viên	378.904.834	377.995.814
- Lãi tiền gửi dự thu	146.147.747	388.241.033
- Phải thu khác	146.178.571	145.082.630
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.704.253.453</b>	<b>1.488.182.397</b>
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	1.528.813.053	1.312.741.997
- Các khoản đặt cọc	175.440.400	175.440.400
	<u>2.375.484.605</u>	<u>3.854.630.514</u>

**9. NỢ XẤU**

	<u>31/12/2015</u>			<u>31/12/2014</u>		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn
- Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây lắp Thành Đồng	202.440.273	-	Trên 3 năm	202.440.273	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Hạ Long	455.840.600	-	Trên 3 năm	455.840.600	-	Trên 3 năm
- Khách hàng khác	67.959.980	-	Trên 3 năm	67.959.980	-	Trên 3 năm
	<u>726.240.853</u>	<u>-</u>		<u>726.240.853</u>	<u>-</u>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.040.313.203	-	3.197.604.226	-
Công cụ, dụng cụ	556.917.598	-	572.061.717	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.482.033.593	-	-	-
Thành phẩm	20.093.766.501	-	22.050.611.931	-
	<b>25.173.030.895</b>	<b>-</b>	<b>25.820.277.874</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>98.160.000</b>	<b>116.860.714</b>
- Chi phí thuê văn phòng	98.160.000	116.860.714
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.700.534.668</b>	<b>2.139.753.473</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.700.534.668	2.139.753.473
	<b>1.798.694.668</b>	<b>2.256.614.187</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	18.004.664.666	20.012.505.014	5.665.326.866	525.158.200	44.207.654.746
Mua trong năm	-	262.500.000	-	-	262.500.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	121.035.867	-	-	-	121.035.867
Thanh lý, nhượng bán	-	(592.237.756)	-	-	(592.237.756)
Tại ngày 31/12/2015	<b>18.125.700.533</b>	<b>19.682.767.258</b>	<b>5.665.326.866</b>	<b>525.158.200</b>	<b>43.998.952.857</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	10.797.622.758	12.457.040.957	3.552.529.155	426.522.912	27.233.715.782
Khấu hao trong năm	2.275.906.308	2.570.500.254	747.405.245	48.203.232	5.642.015.039
Thanh lý, nhượng bán	-	(592.237.756)	-	-	(592.237.756)
Tại ngày 31/12/2015	<b>13.073.529.066</b>	<b>14.435.303.455</b>	<b>4.299.934.400</b>	<b>474.726.144</b>	<b>32.283.493.065</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	<b>5.052.171.467</b>	<b>5.247.463.803</b>	<b>1.365.392.466</b>	<b>50.432.056</b>	<b>11.715.459.792</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>7.207.041.908</b>	<b>7.555.464.057</b>	<b>2.112.797.711</b>	<b>98.635.288</b>	<b>16.973.938.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.099.945.395 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.567.717.776 VND).

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	2.827.595.455	22.723.027.000	380.554.359	17.147.950.379	43.079.127.193
Tăng trong năm	-	-	-	3.089.425.000	3.089.425.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.827.595.455</u>	<u>22.723.027.000</u>	<u>380.554.359</u>	<u>20.237.375.379</u>	<u>46.168.552.193</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	425.666.510	5.351.437.000	380.554.359	4.435.605.662	10.593.263.531
Khấu hao trong năm	134.815.281	2.171.448.000	-	1.475.246.195	3.781.509.476
Tại ngày 31/12/2015	<u>560.481.791</u>	<u>7.522.885.000</u>	<u>380.554.359</u>	<u>5.910.851.857</u>	<u>14.374.773.007</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.267.113.664</u>	<u>15.200.142.000</u>	<u>-</u>	<u>14.326.523.522</u>	<u>31.793.779.186</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.401.928.945</u>	<u>17.371.590.000</u>	<u>-</u>	<u>12.712.344.717</u>	<u>32.485.863.662</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.697.435.901 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.697.435.901 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**a. Các khoản phải thu**

	01/01/2015	Số được hoàn trong năm	Số đã thực nhận trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng hàng xuất khẩu được hoàn	1.947.842.177	2.397.018.190	2.361.658.758	1.983.201.609
- Thuế xuất khẩu được hoàn trong năm	-	59.540.242	59.540.242	-
- Thuế thu nhập cá nhân được hoàn của năm 2014	-	52.330.230	52.330.230	-
	<b>1.947.842.177</b>	<b>2.508.888.662</b>	<b>2.473.529.230</b>	<b>1.983.201.609</b>

**b. Các khoản phải trả**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	25.986.615	25.986.615	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	384.561.980	1.561.041.888	1.834.984.083	110.619.785
- Thuế thu nhập cá nhân	20.585.356	480.850.925	471.515.274	29.921.007
- Thuế xuất khẩu	-	4.143.878.763	4.143.878.763	-
- Thuế tài nguyên	1.116.979.200	7.756.315.200	7.004.448.000	1.868.846.400
- Phí bảo vệ môi trường	38.784.000	269.316.500	243.210.000	64.890.500
- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	260.455.300	260.455.300	-
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	22.723.027.000	-	4.342.896.000	18.380.131.000
	<b>24.283.937.536</b>	<b>14.501.845.191</b>	<b>18.331.374.035</b>	<b>20.454.408.692</b>

- (i) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc “Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang”. Số dư tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp từ năm 2016 đến năm 2022 là 15.200.142.000 VND (mỗi năm phải nộp số tiền là 2.171.448.000 VND) và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.179.989.000 VND (Nhà nước tạm thời chưa thu theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiềng giai đoạn I (i)	6.676.836.360	6.676.836.360
- Dự án Nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ (ii)	1.697.304.827	1.551.075.185
- Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty	174.360.909	174.360.909
- Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimony Mậu Duệ	4.456.059.689	966.198.182
- Khác	30.280.213	-
	<u><b>13.034.841.998</b></u>	<u><b>9.368.470.636</b></u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiềng đã kết thúc mà chưa tìm thấy thân quặng antimony. Ban Giám đốc đang chờ kết luận của các chuyên gia tư vấn độc lập về kết quả thăm dò để trình Hội đồng Quản trị xem xét đánh giá Dự án trước khi quyết định tiếp tục thực hiện xin thăm dò hay dừng Dự án.
- (ii) Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ nhằm tận dụng quặng còn sót lại tại bãi thải có hàm lượng thấp (bình quân 1%) để tận thu nhằm bổ sung thêm nguyên liệu cho nhà máy luyện antimony. Dự án đang trong giai đoạn lập hồ sơ, nghiên cứu, thiết kế ban đầu.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Thuận An	342.599.160	342.599.160	516.410.400	516.410.400
- Đội bốc xúc của ông Lê Văn Ngọc	4.098.800.768	4.098.800.768	4.261.346.473	4.261.346.473
- Phải trả các đối tượng khác	255.417.954	255.417.954	244.658.294	244.658.294
	<u><b>4.696.817.882</b></u>	<u><b>4.696.817.882</b></u>	<u><b>5.022.415.167</b></u>	<u><b>5.022.415.167</b></u>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	228.000.000	204.000.000
Cổ tức phải trả	11.920.720.000	-
Đóng góp cho địa phương (i)	15.750.000.000	15.750.000.000
Phải trả, phải nộp khác	285.477.535	343.443.684
	<u><b>28.184.197.535</b></u>	<u><b>16.297.443.684</b></u>

- (i) Số tiền phải nộp theo quy định tại Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2010 và hướng dẫn tại Quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc quy định tạm thời mức đóng góp từ hoạt động khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

Căn cứ vào Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh tạm dừng thực hiện thu, Công ty đã không trích chi phí phải đóng góp cho địa phương của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí trong năm với số tiền là 7.560.000.000 VND. Đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên.

**18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.855.640.382	10.911.962.882
	<b><u>13.855.640.382</u></b>	<b><u>10.911.962.882</u></b>
Chi tiết:		
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	-	-
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	13.855.640.382	10.911.962.882

- (i) Dự phòng phải trả dài hạn gồm chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính mà Công ty phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.

Trong năm, Công ty ghi nhận tăng dự phòng phải trả dài hạn về chi phí hoàn nguyên môi trường căn cứ theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Giang về việc “Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1 mỏ antimony Mậu Duệ - Yên Minh - Hà Giang”. Theo đó, tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt là 3.089.425.000 VND. Số tiền này được Công ty ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Giang trong vòng 13 năm, bắt đầu từ năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**  
Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang  
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014 được báo cáo năm trước</b>	126.000.000.000	4.500.000.000	-	1.103.464.642	69.653.219.237	4.706.929.283	64.025.975.492	269.989.588.654
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	30.080.412.479	30.080.412.479
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	29.825.975.492	-	(29.825.975.492)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(18.101.620.304)	-	-	-	-	(18.101.620.304)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.454.785.681)	(10.454.785.681)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	-	-	(43.101.170.000)	(43.101.170.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(18.101.620.304)</b>	<b>1.103.464.642</b>	<b>99.479.194.729</b>	<b>4.706.929.283</b>	<b>10.724.456.798</b>	<b>228.412.425.148</b>
Phân loại lại					4.706.929.283	(4.706.929.283)		
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015 được trình bày lại</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(18.101.620.304)</b>	<b>1.103.464.642</b>	<b>104.186.124.012</b>	<b>-</b>	<b>10.724.456.798</b>	<b>228.412.425.148</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	20.618.873.903	20.618.873.903
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	2.839.598.479	-	(2.839.598.479)	-
Mua cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	(24.732.286.775)	-	-	-	-	(24.732.286.775)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(2.955.442.014)	(2.955.442.014)
Cổ tức được chia (i)	-	-	-	-	-	-	(17.881.080.000)	(17.881.080.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(42.833.907.079)</b>	<b>1.103.464.642</b>	<b>107.025.722.491</b>	<b>-</b>	<b>7.667.210.208</b>	<b>203.462.490.262</b>